

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TỪ SƠN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15/11/2019

V/v: *Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Xuân Hà.

Các HTND: Ông Đỗ Đức Hùng, ông Nguyễn Văn An.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Đàm Thu Hường - Thư ký TAND thị xã Từ Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Từ Sơn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Huy Tôn - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2019 tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 09 năm 2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15/10/2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần V M, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn Đ X, xã Đ T, huyện G L, thành phố Hà Nội (có mặt).

Bị đơn: Chị Vũ T N H, sinh năm 1983 .

Trú tại: Khu phố T N, phường C K, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện và ý kiến trình bày của anh Trần V M cùng các tài liệu có trong hồ sơ, nội dung vụ án như sau:

Anh Trần V M và chị Vũ T N H sau một thời gian tìm hiểu, năm 2014 hai người quyết định đi đến quan hệ hôn nhân, việc kết hôn của anh M chị H dựa trên nguyên tắc tự do, tự nguyện và được UBND phường C K, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 30/5/2014. Sau khi kết hôn chị H về làm dâu và chung sống cùng gia đình anh M tại S Đ, L B, Hà Nội.

Quá trình chung sống hai vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm, Chị H cũng nhiều lần tự ý bỏ về nhà, bố mẹ đẻ của chị H cũng đã nhiều lần

đến nhà anh M để xin tha thứ cho chị H, nhưng chị H vẫn chứng nào tật ấy vẫn tiếp tục bỏ đi và dọa dẫm về việc ly hôn nhiều lần. Vợ chồng chính thức ly thân từ tháng 8/2018 đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần V M có đơn khởi kiện gửi Tòa án thị xã Từ Sơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Vũ T N H.

* Về con chung: Anh M trình bày anh và chị H có 02 con chung là cháu Trần B M, sinh ngày 07/07/2018 và cháu Trần T M, sinh ngày 07/07/2018. Khi vợ chồng ly hôn nguyện vọng của anh muốn được nuôi một trong hai cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị H nuôi cả 2 con thì anh sẽ có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh M cung cấp bản sao kê tháng bảng lương thực lĩnh của cá nhân tại nơi anh đang công tác, thể hiện thu nhập thực lĩnh tháng 9/2019 của anh Trần V M là 6.367.294 đồng.

* Về tài chung, công nợ, trích chia công sức: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn là chị Vũ T N H trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần V M trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND phường C K, thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh vào ngày 30 tháng 05 năm 2014. Quá trình chung sống chị cho rằng 2 vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Chị cho biết nếu còn tình cảm thì hai vợ chồng về chung sống với nhau nhưng nếu không còn tình cảm thì chị cũng đồng ý chia tay. Quá trình khi Tòa án hoà giải thì chị không đồng ý ly hôn với lý do là do con chung còn nhỏ.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H trình bày nếu anh M vẫn kiên quyết xin ly hôn với chị thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần B M, sinh ngày 07/07/2018 và cháu Trần T M, sinh ngày 07/07/2018. Khi vợ chồng ly hôn nguyện vọng của chị không muốn cho anh M nuôi con do các cháu còn nhỏ, và chị yêu cầu anh M cấp dưỡng 6.000.000đ/tháng/2 cháu. Trường hợp anh M nuôi 1 con thì chị cũng không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa hôm nay chị H xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh M phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Về tài sản, công nợ, trích chia công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Từ Sơn đánh giá việc chấp hành và thực hiện các quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa là đảm bảo đúng các quy định của pháp luật. Việc chấp hành các quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn, bị đơn là nghiêm túc, đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần V M:

+ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh M được ly hôn với chị H.

+ Về con chung: Căn cứ khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân gia đình do cháu Trần B M và cháu Trần T M đều dưới 36 tháng tuổi nên đề nghị giao cháu Trần B M và cháu Trần T M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh M phải đóng góp phí tổn nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

XÉT THẤY:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần V M và chị Vũ T N H kết hôn ngày 30/05/2014, việc kết hôn là tự nguyện, tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn, và được UBND cấp có thẩm quyền làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa anh M và chị H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét đời sống tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị H trong thời kỳ hôn nhân thì thấy: Sau khi kết hôn hai vợ chồng về chung sống cùng nhau tại S Đ, L B, Hà Nội. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn cãi nhau về quan điểm sống, theo anh M trình bày khi còn chung sống chị đã nhiều lần tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở T N, C K, Từ Sơn, Bắc Ninh; anh M và chị H đã ly thân từ tháng 8/2018 đến nay, mặc dù về phía chị H cho rằng không có mâu thuẫn gì lớn nhưng qua biên bản xác minh với chính quyền địa phương tại phường C K nơi chị H hiện đang sinh sống cho thấy, chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại T N, C K, T S, Bắc Ninh từ tháng 8/2018 cùng hai con và không chung sống với anh M. Sau khi ly thân, cả anh M và chị H đều không có phương án gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng.

Bên cạnh đó, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an phường C K, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh thì được biết: Hiện chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở phường C K sống từ tháng 8/2018 đến nay cùng hai con và không chung sống với anh M. Như vậy, căn cứ theo lời khai của nguyên đơn và biên bản xác minh có thể nhận thấy 2 vợ chồng anh M chị H đã ly thân được khoảng 01 năm và không còn chung sống với nhau nữa. Do vậy có thể khẳng định đời sống tình cảm vợ chồng giữa anh M và chị H không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Anh M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị H là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

Về con chung: Anh M và chị H có với nhau 02 con chung là cháu Trần B M, sinh ngày 07/07/2018 và cháu Trần T M, sinh ngày 07/07/2018, hiện cả hai cháu đang ở cùng chị H tại Trịnh Nguyễn, C K, Từ Sơn, Bắc Ninh. Hiện cả hai cháu Trần T M và Trần B M đều dưới 36 tháng tuổi, theo khoản 3 Điều 81 luật Hôn nhân gia đình 2015 quy định khi ly hôn mà có con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con. Do vậy, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển

bình thường về thể chất, tinh thần và ổn định cuộc sống của hai cháu Trần T M và Trần B M. HĐXX xét thấy cần giao cả 2 con chung cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết vụ án chị H yêu cầu trong trường hợp chị H nuôi cả hai cháu chị đề nghị anh M phải đóng góp phí tổn nuôi con là 6.000.000đ/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay, chị H tự nguyện không yêu cầu anh M phải đóng góp phí tổn nuôi con nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Do anh Trần V M yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trần V M.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần V M được ly hôn với chị Vũ T N H.
- Về con chung: Giao các con chung là cháu Trần B M, sinh ngày 07/07/2018 và cháu Trần T M, sinh ngày 07/07/2018 cho chị Vũ T N H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần V M không phải đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh Trần V M cùng các thành viên gia đình được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.
- Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Anh Trần V M phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận anh M đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2013/0002310 ngày 17/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T S, tỉnh Bắc Ninh.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./..

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BN;
- VKSND TX T S;
- Chi cục THADS T S

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- UBND phường C K, Từ sơn;
- Lưu HS, VP.

Ngô Xuân Hà